

Triệu Quang Phục

Triều Việt Vương Triệu Quang Phục (549-571)

Khi được Lý Nam Đế trao toàn bộ binh quyền, Triệu Quang Phục người huyện Châu Diên (Hải Hưng) thấy rõ lúc đó giặc còn mạnh, không thể đánh thắng ngay được nên đưa hơn một vạn quân từ miền núi về đồng bằng tìm cách đánh giặc. Vốn thông thuộc miền sông nước Chu Diên, ông đưa quân về Dạ Trạch (Bãi Màn Trò, Hải Hưng) một vùng đồng lầy rộng mênh mông, lau sậy um tùm, ở giữa có một bãi đất khô ráo có thể ở được. Đường vào bãi rất khó khăn, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc, chống sào lướt nhẹ trên đám cỏ nước, theo mấy con lạch nhỏ mới tới được đại bản doanh của nghĩa quân.

Ngay khi đem quân về Dạ Trạch, Triệu Quang Phục đã nghĩ đến việc tự túc lương thực để kháng chiến lâu dài. Ông chia quân ra làm nhiều toán: toán chặt cây làm trại, toán chuyên đục đẽo thuyền độc mộc, toán chuyên bắt cá, toán đi săn chim, vịt trời để nuôi quân. Lương thực thiếu, Triệu Quang Phục cùng nghĩa quân ăn củ sừng, khoai dại, để dành thóc gieo mạ. Khi doanh trại đã căn bản xây dựng xongcũng là lúc tướng giặc là Trần Bá Tiên đánh hơi được, đem quân trùng trùng, điệp điệp đến bủa vây. Nhìn đầm rộng chỉ có lau sậy, tướng giặc đắc ý nói với tả hữu:

Số phận quân Dạ Trạch đã được định liệu. Một vạn quân ăn chen chúc trong đầm tất sẽ chết vì đói. Ta chỉ cần vây mà không cần đánh.

Trần Bá Tiên chia quân lập thành một hệ thống đồn binh vây bọc kín khu đầm cắt đứt liên lạc, tiếp tế giữa nghĩa quân với dân chúng.

Hắn không thể ngờ được, bên trong vòng vây, Triệu Quang Phục một mặt cho quân do thám theo sát hành tung giặc, mặt khác cho đắp bờ, khoanh bãi, tôn nền ruộng, gieo mạ để làm vụ chiêm. Hơn thế, vị tướng tài còn nhằm trước khu đất cao ở gần sông Cái để sửa soạn làm vụ sau. Tất cả những công việc này đều được tiến hành trong điều kiện thiếu thốn nông cụ và sức kéo. Vì vậy trong ngày hội xuống đồng, để làm gương cho binh sĩ, Triệu Quang Phục lúc cầm cày, khi cùng nghĩa quân thi nhau dùngdùng đòn kéo thay trâu, không phân biệt trên dưới, tạo nên không khí phấn khởi trong sản xuất. Vì vậy sau những ngày thiếu thốn, nghĩa quân chẳng những có đủ lương ăn mà còn có thóc để dành, đủ sức quần nhau với giặc lâu dài. Theo lệnh Quang Phục: " Lúa quý như mệnh người", nghĩa quân vừa đánh giặc vừa thay nhau tiếp tục sản xuất.

Bao vây lâu ngày không thấy nghĩa quân chết đói, ngược lại các đồn giặc liên tiếp bị đánh, lương thực bị cướp nên chính giặc lâm vào tình trạng thiếu thóc gạo trầm trọng. Giặc càng khó khăn, đêm đêm nghĩa quân đánh càng mạnh.

Sau khi Lý Nam Đế mất Triệu Quang Phục xưng hiệu là Triệu Việt Vương. Dân gian gọi ông là Dạ Trạch Vương. Đến năm Canh Ngọ (550) nhân nhà Lương có loạn to, thế giặc suy yếu, Triệu Việt Vương từ căn cứ Dạ Trạch, biết rõ gan ruột giặc, xuất toàn quân giao chiến, giết được tướng giặc là Dương Sàn, thu lại Kinh đô, khôi phục lại nền độc lập dân nước.

Như trên đã nói, khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Lão thì người anh họ là Lý Thiên Bảo cùng người anh trong họ là Lý Phật Tử đem quân chạy vào Cửu Chân. Bị quân Lương truy đuổi, Lý Thiên Bảo, Lý Phật Tử phải chạy sang Lào, đến đóng ở động Dã Năng, xưng là Đào Lang Vương. Năm ất Hợi (55) là năm thứ 7 của đời Triệu Việt Vương, Lý Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Lý Phật Tử.

Đến năm Đinh Sửu (557) Lý Phật Tử đem quân về đánh Triệu Việt Vương để giành ngôi nhà Lý. Nhưng đánh không thắng, Phật Tử xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý , cũng thuận chia đất cho Lý Phật Tử. Phật Tử đóng ở Ô Diên (làng Đại Mỗ, Từ Liêm) Triệu Việt Vương đóng ở Long Biên, lấy bãi Quần

Thần (làng Thượng Cát, Từ Liêm) làm giới hạn. Triệu Việt Vương còn gả con gái là Cải Nương cho Nhã Lang con Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu. Nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính. Bởi vậy, Phật Tử khẩn trương chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội hành động.

Năm Tân Mão (571), Phật Tử phản trắc, bất ngờ đem quân đi đánh Triệu Việt Vương. Vì không phòng bị Triệu Việt Vương thua chạy đến cửa biển Đại Nha, cùng đường gieo mình xuống biển tự vẫn.

Dân đã lập miếu thờ tại nơi ông mất. Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), vua Trần Nhân Tông sách phong Minh Đạo Hoàng Đế. Năm Trùng Thông thứ tư, vua ban thêm hai chữ "Khai cơ". Năm Long Hưng thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, vua ban thêm bốn chữ: "Thánh Liệt Thần Vũ".